

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8-19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thuý Hiền	Ủy viên	
Bà Cao Thị Lan	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2010
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2010
Bà Mai Thị Thanh Hà	Ủy viên	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Trần Thành Sơn	Giám đốc điều hành
Ông Trần Xuân Cảnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và

Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Số. /2010 /AP.KT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/6/2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 8 đến trang 19 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính giữa niên độ). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Nguyễn Thương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		20.721.289.089	25.643.712.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		187.456.964	4.242.850.758
1. Tiền	111	4	187.456.964	4.242.850.758
II. Các khoản phải thu	130		10.684.068.723	11.347.600.991
1. Phải thu của khách hàng	131		9.512.723.056	10.998.979.691
2. Trả trước cho người bán	132		1.168.156.000	-
3. Các khoản phải thu khác	135	5	3.189.667	348.621.300
III. Hàng tồn kho	140	6	9.536.655.894	9.470.846.414
1. Hàng tồn kho	141		9.536.655.894	9.470.846.414
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		313.107.508	582.414.642
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		313.107.508	582.414.642
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		5.257.265.969	6.290.531.633
I. Tài sản cố định	220		5.257.265.969	6.272.679.108
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2.517.204.791	3.493.751.814
- Nguyên giá	222		14.725.501.642	14.725.501.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.208.296.851)	(11.231.749.828)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	2.740.061.178	2.778.927.294
- Nguyên giá	228		3.355.441.291	3.355.441.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(615.380.113)	(576.513.997)
II. Tài sản dài hạn khác	260		-	17.852.525
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	17.852.525
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		25.978.555.058	31.934.244.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		7.881.909.463	11.994.537.190
I. Nợ ngắn hạn	310		7.881.909.463	11.994.537.190
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	4.199.090.696	8.105.217.300
2. Phải trả cho người bán	312		2.961.049.490	3.147.541.469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	230.854.937	210.592.353
4. Phải trả công nhân viên	315		131.658.721	219.927.599
5. Chi phí phải trả	316		-	35.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	17.578.026	19.484.873
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		341.677.593	256.773.596
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		18.096.645.595	19.939.707.248
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	18.096.645.595	19.939.707.248
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.350.000.000	15.350.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1.499.790.780)	(1.151.378.700)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	238.033.670
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.869.210	1.505.381.560
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		501.179.071	301.590.805
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.692.388.094	3.696.079.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		25.978.555.058	31.934.244.438

Trần Thành Sơn

Giám đốc điều hành

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thị Ngọc

Kế toán trưởng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	23.464.409.153
2. Các khoản giảm trừ	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	15	23.464.409.153
4. Giá vốn hàng bán	11	16	20.748.054.235
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		2.716.354.918
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	49.964.122
7. Chi phí tài chính	22	18	195.270.417
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>195.220.917</i>
8. Chi phí bán hàng	24		257.434.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		446.263.654
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.867.350.969
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		2.816.509
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.816.509)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.864.534.460
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	154.293.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		17.852.525
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.692.388.094
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.183

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành
Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thị Ngọc
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

MẪU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

**Từ 01/01/2010 đến
30/06/2010**

CHỈ TIÊU	Mã số	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	01	1.864.534.460
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao TSCĐ	02	1.015.413.139
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(49.964.122)
Chi phí lãi vay	06	195.220.917
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.025.204.394
Tăng các khoản phải thu	09	932.839.402
Tăng hàng tồn kho	10	(65.809.480)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(557.301.374)
Tiền lãi vay đã trả	13	(195.220.917)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(134.031.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.005.680.768
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	49.964.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	49.964.122
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	(348.412.080)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.388.528.501
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.294.655.105)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.856.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.111.038.684)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.055.393.794)
Tiền tồn đầu kỳ	60	4.242.850.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	187.456.964

Trần Thành Sơn
Giám đốc điều hành
Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Thị Ngọc
Kê toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 24/07/2002 và các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 cấp ngày 14/07/2003 (thay đổi vốn điều lệ từ 09 tỷ lên 12,3 tỷ); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 cấp ngày 05/10/2004 (bổ sung ngành nghề kinh doanh); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 cấp ngày 18/01/2006 (thay đổi vốn điều lệ thành 10,025 tỷ); Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 cấp ngày 06/10/2006 (thay đổi vốn điều lệ thành 15,350 tỷ).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 15.350.000.000 đồng tương ứng với 1.535.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

Trụ sở và nhà xưởng của Công ty đặt tại: Lô 89 - Đường số 6 - Khu công nghiệp Sóng Thần I - Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức nhật ký chứng từ.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành nhưng chưa được duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá trị bàn giao dựa trên quyết toán giữa hai bên hoặc giá trị khối lượng thi công thực tế đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt sẽ điều chỉnh nguyên giá theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí để có được quyền sử dụng diện tích 4.823m² đất tại lô 89, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/08/2002 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 261/QSDĐ/2002 cấp ngày 06/09/2002. Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn (sau khi bù trừ) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản tiền và nợ ngắn hạn được phản ánh trên tài khoản chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Tuy nhiên, Công ty đang được hưởng ưu đãi cho doanh nghiệp cổ phần mới thành lập theo hướng dẫn tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003, Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/08/2004, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 109 ngày 07/10/2002, Quyết định số 5361/QĐ-CT ngày 12/09/2008 và Quyết định số 224/QĐ-TCT ngày 13/03/2009. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu (từ năm 2003 đến năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2012), thuế suất ưu đãi áp dụng là 15% trong thời gian miễn giảm. Mặt khác Công ty có chứng khoán niêm yết lần đầu vào ngày 06/12/2006 nên được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 02 năm kể từ khi thực hiện niêm yết theo Công văn số 1703/CT-TT&HT ngày 26/03/2007, do vậy năm 2007, 2008 Công ty cũng không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (do giảm 50% từ Công ty cổ phần thành lập mới và giảm 50% do có chứng khoán niêm yết lần đầu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp phải nộp 6 tháng đầu năm 2010 là số tạm tính. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	22.488.907	62.099.246
Tiền gửi ngân hàng	164.968.057	4.180.751.512
	187.456.964	4.242.850.758

5. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	3.189.667	348.621.300
	3.189.667	348.621.300

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.086.331.489	6.656.619.373
Công cụ, dụng cụ	45.386.590	49.605.036
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.763.408.705	2.527.354.325
Thành phẩm	1.641.529.110	237.267.680
	9.536.655.894	9.470.846.414
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	9.536.655.894	9.470.846.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ, thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	2.873.182.720	11.350.392.906	483.460.561	18.465.455	14.725.501.642
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	2.873.182.720	11.350.392.906	483.460.561	18.465.455	14.725.501.642
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	1.248.615.250	9.625.212.309	343.988.151	13.934.118	11.231.749.828
Khấu hao trong kỳ	65.481.114	839.064.036	69.736.205	2.265.668	976.547.023
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	1.314.096.364	10.464.276.345	413.724.356	16.199.786	12.208.296.851
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	1.624.567.470	1.725.180.597	139.472.410	4.531.337	3.493.751.814
Tại ngày 30/06/2010	1.559.086.356	886.116.561	69.736.205	2.265.669	2.517.204.791

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.316.865.484 đồng. Một số tài sản cố định hữu hình gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại 30/06/2010 là 899.468.707 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh KCN Bình Dương (xem Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	3.355.441.291	3.355.441.291
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2010	3.355.441.291	3.355.441.291
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2010	576.513.997	576.513.997
Khấu hao trong kỳ	38.866.116	38.866.116
Tại ngày 30/06/2010	615.380.113	615.380.113
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	<u>2.778.927.294</u>	<u>2.778.927.294</u>
Tại ngày 30/06/2010	<u>2.740.061.178</u>	<u>2.740.061.178</u>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại tại 30/06/2010 là 2.740.061.178 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh KCN Bình Dương (xem Thuyết minh số 9)

9. VAY NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương		
<i>Vay VND</i>	202.110.315	1.459.387.210
<i>Vay USD</i>	3.996.980.381	6.645.830.090
	<u>4.199.090.696</u>	<u>8.105.217.300</u>

Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương là khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 007AA09 ngày 23/09/2009 hạn mức 590.000 USD.
- Hợp đồng tín dụng số 007BA09 ngày 23/09/2009 hạn mức 10.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Tài sản cố định bao gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất. Thời hạn cho vay từ 23/9/2009 đến ngày 23/10/2010. Lãi suất vay áp dụng theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa các loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.854.937	210.592.353
	230.854.937	210.592.353

11. PHẢI TRẢ. PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.383.279	19.484.873
Bảo hiểm xã hội	4.094.747	-
Phải trả, phải nộp khác	100.000	-
	17.578.026	19.484.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> VND	<u>Cổ phiếu quỹ</u> VND	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u> VND	<u>Quỹ Đầu tư phát triển</u> VND	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u> VND	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u> VND
Tại 01/01/2010	15.350.000.000	(1.151.378.700)	238.033.670	1.505.381.560	301.590.805	3.696.079.913
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	(348.412.080)	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.692.388.094
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	547.487.650	199.588.266	(3.696.079.913)
Giảm khác	-	-	(238.033.670)	-	-	-
Tại 30/06/2010	15.350.000.000	(1.499.790.780)	-	2.052.869.210	501.179.071	1.692.388.094

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương ngày 24/4/2010, việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2009 được thực hiện như sau:

Quỹ dự phòng tài chính	: 5,4% lợi nhuận sau thuế tương đương 199.588.266 đồng
Quỹ đầu tư phát triển	: 14,8% lợi nhuận sau thuế tương đương 547.487.650 đồng
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1,55% lợi nhuận sau thuế tương đương 55.441.198 đồng
Quỹ hội đồng quản trị	: 1% lợi nhuận sau thuế tương đương 36.962.799 đồng

13. CỔ TỨC

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010, Công ty phải chi trả cổ tức của năm 2009 cho các cổ đông theo tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 2.856.600.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương ngày 24/4/2010. Đến thời điểm 30/6/2010, số cổ tức đã trả cho các cổ đông là: 2.856.500.000 đồng (cổ tức chưa trả 100.000 đồng là của các cổ đông chưa lưu ký tại công ty chứng khoán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. CỔ PHIẾU

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.535.000	1.535.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	1.535.000	1.535.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.535.000</i>	<i>1.535.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	106.700	84.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.451.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>1.428.300</i>	<i>1.451.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Doanh thu bán hàng	23.464.409.153
	23.464.409.153
Các khoản giảm trừ	-
Doanh thu thuần	23.464.409.153

16. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Giá vốn thành phẩm đã tiêu thụ	20.748.054.235
	20.748.054.235

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lãi tiền gửi	49.964.122
	49.964.122

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND
Lãi tiền vay	195.220.917
Chi phí tài chính khác	49.500
	195.270.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010

VND

Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	1.864.534.460
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(238.033.670)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	200.000
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	1.626.700.790
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất (a)	1.470.779.077
Lợi nhuận từ hoạt động khác (b)	155.921.713
Chi phí TNDN hiện hành của hoạt động sản xuất được ưu đãi: (1)=a*15%*50%	110.308.431
Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động khác: (2)=b*25%	38.980.428
Số thuế truy thu thêm theo Quyết định số 2668/QĐ- CT ngày 25/05/2010:(3)	5.004.982
Chi phí thuế TNDN hiện hành	154.293.841
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.852.525
Chi phí thuế TNDN	172.146.366

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010

VND

Lợi nhuận sau thuế	1.692.388.094
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	1.430.192
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU B 09 a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/6/2010, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	
	VND	
Doanh thu		
Công ty cổ phần Bao bì PP		3.684.563.636
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		2.586.929.027
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty cổ phần Bao bì PP		954.381.500
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		254.875.500
Số dư với bên liên quan:		
	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty cổ phần Bao bì PP	-	291.618.255
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch	343.183.000	-
Các khoản phải trả		
Công ty cổ phần Bao bì PP	910.381.500	-
Công ty cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch	67.095.279	2.264.658.709

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2010 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 chưa được soát xét nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và một số chỉ tiêu trên thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 không trình bày số liệu so sánh.